

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/06/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Bà Hoàng Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh V; sinh năm 1983; địa chỉ: thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng Q; sinh năm 1978; địa chỉ: số 384, đường N, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Chị Vân, anh Quang đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021, ngày 20/12/2021, bản tự khai ngày 23/03/2022, đơn trình bày ngày 29/4/2022 nguyên đơn chị Võ Thị Thanh V:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hồng Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 18/01/2012 tại UBND phường N, thành phố N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khi con gái đầu được 02 tuổi thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau. Mặc dù chị đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn giữa anh chị nhưng không có kết quả. Chị và anh Q đã ly thân được 05 năm, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Q.

* Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là cháu Phạm Võ Thanh T sinh ngày 01/10/2012, cháu Phạm Mai P sinh ngày 04/4/2016. Hiện nay, cháu T và cháu P hiện đang ở xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị xác định đảm bảo điều kiện chăm sóc cho cả hai cháu nên đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu P, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cả hai cháu định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/01 cháu kể từ tháng 05 năm 2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đã trình bày đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai ngày 11/02/2022, đơn đề nghị ngày 16/05/2022 bị đơn anh Phạm Hồng Q trình bày:*

* Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như chị V trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Năm 2018, mâu thuẫn trở nên căng thẳng nên vợ chồng ly thân, chị V tự ý đưa con về quê ngoại sinh sống mà không hỏi ý kiến anh. Anh xác định tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng nên nhất trí ly hôn chị V.

* Về con chung như chị V trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị V chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu là Phạm Võ Thanh T và cháu Phạm Mai P. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh sẽ cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/ cháu/ tháng, kể từ tháng 06/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật; Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định; Bị đơn chấp hành không đầy đủ các quy định của pháp luật, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 - BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh V. Cho chị Võ Thị Thanh V được ly hôn với anh Phạm Hồng Q

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Võ Thanh T, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Phạm Mai P, sinh ngày 04/4/2016 cho chị Võ Thị Thanh V trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Hồng Q phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng/cháu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Võ Thị Thanh V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N (Biên lai số AA/2021/0000718 ngày 26/11/2021). Anh Phạm Hồng Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn; bị đơn anh Phạm Hồng Q cư trú tại phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Chị V và anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh V và anh Phạm Hồng Q có đăng ký kết hôn ngày ngày 18/01/2012 tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Năm 2018, mâu thuẫn trở nên căng thẳng nên vợ chồng ly thân, chị V về quê ngoại ở Quảng Ngãi sinh sống, phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 10/05/2022. Các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa nên việc chị V xin ly hôn anh Q đồng ý ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định giữa hai người không còn tình cảm, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị V với anh Q và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị V và anh Q có hai con chung là cháu Phạm Võ Thanh T sinh ngày 01/10/2012, cháu Phạm Mai P sinh ngày 04/4/2016. Hiện nay, cháu T và cháu P do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy chị V có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; anh Q đồng ý để chị V nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục con chung. Do đó, cần giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Võ Thanh T và cháu Phạm Mai P là đảm bảo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị V yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cả hai cháu định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/01 cháu/ tháng kể từ tháng 05 năm 2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Q đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/ cháu/ tháng, kể từ tháng 06/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của các đương sự cần chấp nhận và buộc anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/ cháu/ tháng, kể từ tháng 06/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi đảm bảo quy định tại các điều 107 và 110 Luật hôn nhân gia đình.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị V, anh Q đều trình bày không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3].*Về án phí*: Chị Võ Thị Thanh V chịu án phí ly hôn; anh Phạm Hồng Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84; 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 24 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Thanh V và anh Phạm Hồng Q (Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Võ Thanh T sinh ngày 01/10/2012 và cháu Phạm Mai P sinh ngày 04/4/2016. Anh Phạm Hồng Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V là 2.500.000 đồng/ cháu/ tháng, kể từ tháng 06/2022 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hoặc có sự thay đổi khác về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Q không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

4. Án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm chị Võ Thị Thanh V phải nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000775 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Phạm Hồng Q phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Chị V, anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình